

TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC  
CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Số: 2764/QĐ-CTCP397

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 27 tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu  
Gói thầu: Mua vật tư máy gạt, máy xúc, máy khoan phục vụ sản xuất năm  
2025 (GT01) thuộc kế hoạch mua vật tư máy gạt, máy xúc, máy khoan  
phục vụ sản xuất năm 2025

### GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành Công ty Cổ phần;

Căn cứ quy định số 1313/QĐ-CTCP397 ngày 1/7/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hoá, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty cổ phần 397;

Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 của Giám đốc Công ty Cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024;

Căn cứ Quyết định số 2722/QĐ-CTCP397 ngày 25/12/2024 của Giám đốc Công ty Cổ phần 397 về việc Phê duyệt kế hoạch Mua vật tư máy gạt, máy xúc, máy khoan phục vụ sản xuất năm 2025;

Căn cứ Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vật tư máy gạt, máy xúc, máy khoan phục vụ sản xuất năm 2025 (GT01) do phòng Cơ điện vận tải lập;

Căn cứ Tờ trình ngày 26/12/2024 của Phòng CĐVT về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu: Mua vật tư máy gạt, máy xúc, máy khoan phục vụ sản xuất năm 2025 (GT01);

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 27/12/2024 của Tổ thẩm định dự toán về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu: Mua vật tư máy gạt, máy xúc, máy khoan phục vụ sản xuất năm 2025 (GT01);

Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cơ điện vận tải Công ty.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu: Mua vật tư máy gạt, máy xúc, máy khoan phục vụ sản xuất năm 2025 (GT01), với nội dung cụ thể như sau:

1. Dự toán:

- Tên hạng mục công việc: (có phụ lục chi tiết kèm theo)
- Tên đơn vị chủ quản: Công ty cổ phần 397; Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh.
- Giá trị dự toán: 5.730.882.900 đồng (*Bằng chữ: Năm tỷ, bảy trăm ba mươi triệu, tám trăm tám hai nghìn, chín trăm đồng chẵn*). Đã bao gồm thuế VAT
- Đơn vị lập dự toán: Phòng Cơ điện vận tải
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công cổ phần 397.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu Mua vật tư máy gạt, máy xúc, máy khoan phục vụ sản xuất năm 2025 (GT01).
- Giá trị gói thầu: 5.730.882.900 đồng. (*Bằng chữ: Năm tỷ, bảy trăm ba mươi triệu, tám trăm tám hai nghìn, chín trăm đồng chẵn*). Đã bao gồm thuế VAT
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công cổ phần 397.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 15 ngày
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 1 năm 2025
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng Kể từ ngày hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng Kể từ ngày hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực.
- Tùy chọn mua thêm: Không có
- Giám sát đấu thầu: Không có

**Điều 2.** Giao Tổ chuyên gia, tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: 

- Như điều 2;
- Lưu VT, CĐVT.K03.

**GIÁM ĐỐC**



**Kiều Văn Sinh**

**Phụ lục**

**BẢNG KHỐI LƯỢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT**

(Kèm theo quyết định phê duyệt số ...../QĐ-CTCP397 ngày .../...../2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397)

TT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền chưa VAT	Thuế VAT	Thành tiền có VAT (VNĐ)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Máy gặt D85EX-15</b>							
1	Ga lê đỡ 154-30-01040	Cái	2	4.080.000	8.160.000	8%	8.812.800	
2	Ga lê tỷ 4 gờ 154-30-01030	Cái	3	7.650.000	22.950.000	8%	24.786.000	
3	Ga lê tỷ 2 gờ 154-30-01020	Cái	4	7.090.000	28.360.000	8%	30.628.800	
4	Bánh dẫn hướng 154-30-01010	Cụm	2	38.250.000	76.500.000	8%	82.620.000	
5	Vành sao US216K327	Bộ	4	7.955.000	31.820.000	8%	34.365.600	
6	Bu lông xích M22x65	Bộ	400	25.000	10.000.000	10%	11.000.000	
7	Lưỡi ben - 6 lỗ 154-81-11191B	Cái	8	1.990.000	15.920.000	8%	17.193.600	
8	Lưỡi ben - 8 lỗ 154-70-11314B	Cái	5	2.400.000	12.000.000	8%	12.960.000	
9	Lưỡi góc phải 150-70-21346B	Cái	7	1.380.000	9.660.000	8%	10.432.800	
10	Lưỡi góc trái 150-70-21356B	Cái	7	1.380.000	9.660.000	8%	10.432.800	
11	Bu lông sao M22x73	Bộ	50	35.800	1.790.000	10%	1.969.000	
12	Bu lông lưỡi ben M20x70	Cái	200	23.900	4.780.000	10%	5.258.000	
<b>II</b>	<b>Máy gặt D155-6</b>							
1	Ga lê đỡ 175-30-00515	Cái	2	5.410.000	10.820.000	8%	11.685.600	
2	Ga lê tỷ 4 gờ 175-30-00770	Cái	4	11.015.000	44.060.000	8%	47.584.800	
3	Ga lê tỷ 2 gờ 175-30-00760	Cái	4	10.100.000	40.400.000	8%	43.632.000	
4	Vành sao US228K027	Bộ	6	9.790.000	58.740.000	8%	63.439.200	
5	Bu lông xích M24x78	Bộ	400	35.700	14.280.000	10%	15.708.000	
6	Bu lông sao M24x79	Bộ	100	56.200	5.620.000	10%	6.182.000	
7	Bu lông lưỡi ben M24x90	Cái	100	39.800	3.980.000	10%	4.378.000	
8	Lưỡi ben 175-70-26310	Cái	12	2.400.000	28.800.000	8%	31.104.000	

9	Lưỡi góc trái 175-71-22272	Cái	10	2.145.000	21.450.000	8%	23.166.000	
10	Lưỡi góc phải 175-71-22282	Cái	10	2.145.000	21.450.000	8%	23.166.000	
<b>III</b>	<b>Máy gạt D7R</b>							
1	Ga lê đỡ 9M0638	Cái	4	3.875.000	15.500.000	8%	16.740.000	
2	Ga lê tỷ 2 gờ 9S0316	Cái	6	7.140.000	42.840.000	8%	46.267.200	
3	Ga lê tỷ 4 gờ 9S0317	Cái	8	7.750.000	62.000.000	8%	66.960.000	
4	Vành sao 9W0074	Bộ	4	7.140.000	28.560.000	8%	30.844.800	
5	Bu lông xích 7H3599	Cái	400	45.900	18.360.000	10%	20.196.000	
6	Ê cu bắt xích 2S2140	Cái	400	20.500	8.200.000	10%	9.020.000	
7	Bu lông lưỡi ben M22x75	Cái	600	28.600	17.160.000	10%	18.876.000	
8	Bu lông bắt vành sao 5P7665	Cái	120	35.700	4.284.000	10%	4.712.400	
9	Ê cu bắt vành sao 7H3608	Cái	120	15.300	1.836.000	10%	2.019.600	
10	Bánh dẫn hướng 1592086F	Cái	2	24.990.000	49.980.000	8%	53.978.400	
11	Lưỡi ben 7T6678	Cái	22	2.090.000	45.980.000	8%	49.658.400	
12	Lưỡi góc trái 9W6198	Cái	12	2.140.000	25.680.000	8%	27.734.400	
13	Lưỡi góc phải 9W6199	Cái	12	2.140.000	25.680.000	8%	27.734.400	
<b>IV</b>	<b>Máy xúc PC450</b>							
1	Vành sao 208-27-61210	Cái	2	6.935.000	13.870.000	8%	14.979.600	
2	Ga lê tỷ 2 Gờ 208-30-00210	Cái	3	6.325.000	18.975.000	8%	20.493.000	
3	Ga lê tỷ 4 Gờ 208-30-00413	Cái	3	8.415.000	25.245.000	8%	27.264.600	
4	Ga lê đỡ 207-30-00550	Cái	2	3.315.000	6.630.000	8%	7.160.400	
5	Lá xích W216C-13-600	Cái	92	870.000	80.040.000	10%	88.044.000	
6	Bu lông ga lê tỷ M22x110	Cái	50	30.600	1.530.000	10%	1.683.000	
7	Bu lông xích M24x65	Bộ	500	28.500	14.250.000	10%	15.675.000	
8	Bu lông sao M20x55	Cái	50	20.500	1.025.000	10%	1.127.500	
9	Răng gầu đào đá 14270RC	Cái	30	765.000	22.950.000	8%	24.786.000	
10	Chốt răng gầu PC450	Cái	50	51.000	2.550.000	10%	2.805.000	

11	Lợi gầu 208-939-3120HD	Cái	3	1.530.000	4.590.000	8%	4.957.200	
<b>V</b>	<b>Máy xúc PC750, PC850</b>							
1	Vành sao 209-27-51173	Cái	6	15.810.000	94.860.000	8%	102.448.800	
2	Ga lê tỷ 209-30-00191	Cái	14	15.200.000	212.800.000	8%	229.824.000	
3	Ga lê đỡ 209-30-00300	Cái	6	6.650.000	39.900.000	8%	43.092.000	
4	Bu lông ga lê tỷ M27x160x3	Cái	100	102.500	10.250.000	10%	11.275.000	
5	Bu lông xích M27*90	Bộ	400	59.700	23.880.000	10%	26.268.000	
6	Bu lông sao 01010-82475	Cái	150	81.600	12.240.000	10%	13.464.000	
7	Bánh dẫn hướng 209-30-00014	Cái	4	51.510.000	206.040.000	8%	222.523.200	
8	Răng gầu K85RC	Cái	100	2.140.000	214.000.000	8%	231.120.000	
9	Răng gầu X-0850SP	Cái	280	2.200.000	616.000.000	8%	665.280.000	
10	Chốt răng gầu K85	Cái	100	390.000	39.000.000	10%	42.900.000	
11	Chốt răng gầu PC650/PC800	Cái	300	112.200	33.660.000	10%	37.026.000	
12	Lợi gầu 74140	Cái	8	3.265.000	26.120.000	8%	28.209.600	
13	Lợi gầu K85	Cái	6	3.775.000	22.650.000	8%	24.462.000	
14	Lợi gầu cạnh AD-B-770	Cái	6	9.180.000	55.080.000	8%	59.486.400	
<b>VI</b>	<b>Máy xúc PC1250</b>							
1	Vành sao 21N-27-31191	Cái	6	21.930.000	131.580.000	8%	142.106.400	
2	Bánh dẫn hướng 21N-30-00110	Cái	2	79.560.000	159.120.000	8%	171.849.600	
3	Bu lông sao 01010-82475	Cái	150	81.600	12.240.000	10%	13.464.000	
4	Bu lông xích 21N-32-31211	Cái	300	132.600	39.780.000	10%	43.758.000	
5	Ê cu bắt xích 198-32-31220	Cái	300	66.300	19.890.000	10%	21.879.000	
6	Ga lê tỷ 21N-30-00121	Cái	12	21.215.000	254.580.000	8%	274.946.400	
7	Ga lê đỡ 21N-30-00130	Cái	12	8.670.000	104.040.000	8%	112.363.200	
8	Răng gầu XS115RC	Cái	300	3.420.000	1.026.000.000	8%	1.108.080.000	
9	Răng gầu X-1250SP	Cái	80	3.725.000	298.000.000	8%	321.840.000	
10	Chốt răng gầu XS115	Cái	300	460.000	138.000.000	10%	151.800.000	

11	Chốt răng gầu PC1250	Cái	100	155.000	15.500.000	10%	17.050.000	
12	Lưới cắt thành gầu 427-70-13611	Cái	50	2.400.000	120.000.000	8%	129.600.000	
13	Lợi gầu 14140	Cái	5	6.730.000	33.650.000	8%	36.342.000	
14	Lợi gầu cạnh AD-H17	Cái	5	20.195.000	100.975.000	8%	109.053.000	
15	Lợi gầu giữa 350XS115	Cái	10	6.120.000	61.200.000	8%	66.096.000	
<b>VII</b>	<b>Máy khoan DI550</b>							
1	Dải xuong xích UL160F1N43	Dải	2	33.150.000	66.300.000	10%	72.930.000	
2	Vành sao R04500H0M01	Cái	2	6.935.000	13.870.000	8%	14.979.600	
3	Ga lê tỷ VA542	Cái	16	4.285.000	68.560.000	8%	74.044.800	
4	Bu lông xích M14x45	Bộ	500	12.800	6.400.000	10%	7.040.000	
					<b>5.295.080.000</b>		<b>5.730.822.900</b>	

Phụ lục

**BẢNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

(Kèm theo Quyết định số ~~234~~ ngày ~~15~~ tháng ~~12~~ năm 2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu và tóm tắt nội dung	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
1	Công ty cổ phần 397	Gói thầu : Gói thầu Mua vật tư máy gạt, máy xúc, máy khoan phục vụ sản xuất năm 2025 (GT01)	5.730.882.900	Chi phí sản xuất năm 2024 của Công ty cổ phần 397	Chào hàng cạnh tranh	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	15 ngày	Tháng 1 năm 2025	Theo đơn giá cố định	12 tháng Kê từ ngày hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực	Không	Không

Bảng chữ: Năm tỷ, bảy trăm ba mươi triệu, tám trăm tám hai nghìn, chín trăm đồng chẵn